

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH XUÂN**

Số: 15/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thạch Xuân, ngày 31 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Về việc phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ
KHÓA XX, KỲ HỌP THỨ 4**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 về quy chế lập, thẩm tra quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính- ngân sách nhà nước 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ ngân sách địa phương, phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương hằng năm; số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Thông tư 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ các của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 168/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 về việc kéo dài thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022-2025 sang năm 2026; sửa đổi, bổ sung một số nội dung của quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025; số 149/2025/NQ-HĐND ngày 03/7/2025; số 41/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định về phân cấp nguồn thu, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia nguồn thu và phân cấp nhiệm vụ chi các cấp ngân sách địa phương giai đoạn 2022-2025 nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022;

Căn cứ Quyết định số 3164/QĐ-UBND ngày 15/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc giao nhiệm vụ thu, chi ngân sách năm 2025 cho các xã, phường;

Xét Tờ trình số 75 /TTr-UBND ngày 29/12/2025 của UBND xã về việc xem xét, quyết định phân bổ và giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026; báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế-Ngân sách Hội đồng nhân dân xã tại Văn bản số 04/BC-



BKTNS ngày 29/12/2025; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua phân bổ và giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026, cụ thể như sau:

1. Tổng số thu ngân sách: 171.745.000.000 đồng, ngân sách xã được hưởng: 151.675.000.000 đồng.

1.1. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 48.175.000.000 đồng;

Trong đó:

- Thu tiền hoa lợi đất công ích: 30.000.000 đồng;
- Thu phí, lệ phí: 150.000.000 đồng;
- Thu tiền tiền sử dụng: 40.000.000.000 đồng;
- Tiền thuê mặt đất, mặt nước: 500.000.000 đồng;
- Lệ phí trước bạ: 3.465.000.000 đồng;
- Thuế ngoài quốc doanh: 700.000.000 đồng;
- Thuế phi nông nghiệp: 250.000.000 đồng;
- Thu khác ngân sách: 80.000.000 đồng;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 200.000.000 đồng;
- Thuế thu nhập cá nhân: 2.800.000.000 đồng;

1.2. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 123.570.000.000 đồng

- Thu bổ sung cân đối NS : 101.504.000.000 đồng
- Thu bổ sung có mục tiêu: 22.066.000.000 đồng

2. Tổng chi ngân sách xã: 151.675.000.000 đồng

2.1. Chi đầu tư phát triển: 23.800.000.000 đồng

2.1. Chi thường xuyên: 124.408.255.000 đồng

2.3. Chi tạo nguồn cải cách tiền lương: 1.339.745.000 đồng

2.4. Chi dự phòng ngân sách: 2.127.000.000 đồng

(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Hội đồng nhân dân xã đồng ý với các giải pháp tổ chức thực hiện thu ngân sách; điều hành, quản lý chi ngân sách năm 2026 như Ủy ban dân dân xã trình, đồng thời tập trung các nội dung chủ yếu sau:

1. Tập trung đồng bộ, quyết liệt, hiệu quả các giải pháp để hoàn thành và vượt chỉ tiêu, kế hoạch được giao; tăng cường công tác thu ngân sách nhà nước đảm bảo tiến độ, cơ cấu thu; tăng cường công tác kiểm tra, xử lý vi phạm thuế; cải cách, công khai, minh bạch các thủ tục hành chính về thuế; tiếp tục tăng cường phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành cấp tỉnh, cơ quan thuế, xử lý các khó khăn, vướng mắc đối với các khoản thu ngân sách.

2. Điều hành chi ngân sách nhà nước đảm bảo chặt chẽ, chủ động, kịp thời, đúng chế độ, quy định, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả; tăng thu, tiết kiệm chi, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển, dự phòng ngân sách.

3. Tăng cường công tác quản lý đầu tư công, đảm bảo chất lượng, tiến độ thời gian và giải ngân đầu tư công theo quy định.

- Giao chi tiết nhiệm vụ thu, chi; điều hành, quản lý nhiệm vụ thu, chi cho các ngành, đơn vị theo quy định của Luật ngân sách và các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đối với các khoản tăng thu, tiết kiệm chi; chi phát sinh chưa được giao trong dự toán, Ủy ban nhân dân xã báo cáo, thống nhất với Thường trực Hội đồng nhân dân xã trước khi quyết định phân bổ cho các đơn vị, đồng thời báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này; thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo, bảo đảm kịp thời, minh bạch, đúng quy định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân xã Thạch Xuân khoá XX, nhiệm kỳ 2021-2026, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Kho bạc NN khu vực XII;
- Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ xã;
- Các đơn vị sử dụng ngân sách xã;
- Đại biểu HĐND xã khóa XX;
- Lưu: VT.


CHỦ TỊCH

Nguyễn Bá Hà

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH XUÂN**

BIỂU SỐ 01: CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 31 /12/2025 của HĐND xã Thạch Xuân)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	151.675.000	
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	28.105.000	
-	Thu NSDP hưởng 100%	510.000	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia	27.595.000	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	123.570.000	
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	101.504.000	
2	Thu bổ sung mục tiêu	22.066.000	
III	Thu từ huy động đóng góp		
IV	Thu kết dư		
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	-	
B	TỔNG CHI NSDP	151.675.000	
I	Tổng chi cân đối NSDP	151.675.000	
1	Chi đầu tư phát triển	23.800.000	
2	Chi thường xuyên	124.408.255	
3	Dự phòng ngân sách	2.127.000	
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	1.339.745	
II	Chi các chương trình mục tiêu	-	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia		
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ		
III	Chi từ nguồn chuyển nguồn		
IV	Chi nguồn kết dư		
VI	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP		
D	CHI TRẢ NỢ GÓC CỦA NSDP		
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ



BIỂU SỐ 02: DỰ TOÁN GIAO THU NGÂN SÁCH NĂM 2026 TRÊN ĐỊA BÀN
(Kèm theo Nghị quyết số:15/NQ-HĐND ngày 31 /12/2025 của HĐND xã Thạch Xuân)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026		Ghi chú
		NSNN	NS xã hưởng	
TỔNG CỘNG		171.745.000	151.675.000	
I	Thu NSNN trên địa bàn	48.175.000	28.105.000	
1	Thu từ hoa lợi, đất công ích	30.000	30.000	
2	Thu phí, lệ phí. Trong đó:	150.000	150.000	
3	Tiền sử dụng đất	40.000.000	23.800.000	
4	Tiền thuê mặt đất, mặt nước	500.000	212.500	
5	Lệ phí trước bạ	3.465.000	1.732.500	
-	Trước bạ nhà đất	200.000	100.000	
-	Trước bạ xe máy	3.265.000	1.632.500	
6	Thuế phi nông nghiệp	250.000	250.000	
7	Thu khác ngân sách	80.000	80.000	
8	Thuế ngoài quốc doanh	700.000	350.000	
-	GTGT DN - HTX	500.000	250.000	
-	GTGT hộ cá thể	200.000	100.000	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	200.000	100.000	
10	Thuế thu nhập cá nhân	2.800.000	1.400.000	
II	Thu bổ sung từ NS cấp trên	123.570.000	123.570.000	
1	Thu bổ sung cân đối	101.504.000	101.504.000	
2	Thu bổ sung có mục tiêu	22.066.000	22.066.000	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THẠCH XUÂN

BIỂU SỐ 03: TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG 2026
(Kèm theo Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 31 /12 /2025 của HĐND xã Thạch Xuân)

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (I+II+III+IV+V)	151.675.000	
I	Chi đầu tư phát triển	23.800.000	
1	Kinh phí tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng	1.190.000	
2	Chi đầu tư phát triển	22.610.000	
-	Chi trả nợ xây dựng cơ bản	500.000	
-	Chi công trình chuyển tiếp	5.470.000	
-	Chi công trình khởi công mới	14.440.000	
-	Chi công tác quy hoạch, đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	2.200.000	
II	Chi thường xuyên	124.408.255	
1	Chi quốc phòng	1.541.000	
-	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quốc phòng theo định mức	200.000	
-	Chế độ dân quân tự vệ theo Luật Dân quân tự vệ, Nghị định số 72/2020/NĐ-CP của Chính phủ	1.341.000	
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	370.000	
3	Chi sự nghiệp Giáo dục	65.076.855	
-	Kinh phí tiền lương, quỹ thưởng và chi hoạt động	46.464.000	
-	Hợp đồng theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND của UBND tỉnh, hợp đồng giáo viên theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	262.775	
-	Kinh phí nâng lương thường xuyên, nâng lương trước hạn; chi chung sự nghiệp giáo dục	960.000	
-	Chính sách học sinh theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP, Nghị định số 105/2020/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC	1.013.000	
-	Hỗ trợ Trung tâm học tập cộng đồng theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 25/02/2020 của UBND tỉnh	28.080	
-	Hỗ trợ phụ cấp ưu đãi giáo viên dạy học sinh khuyết tật, chế độ bồi dưỡng và trang phục đối với giáo viên thể dục	433.000	
-	Chi hỗ trợ mua phần mềm	66.000	
-	Kinh phí tăng cường cơ sở vật chất các trường học trên địa bàn xã	15.850.000	
4	Chi sự nghiệp y tế	2.592.000	
-	Bảo hiểm y tế cho người có công	468.000	
-	Bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội, HTXH, cựu chiến binh, người nghèo	2.124.000	
5	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	150.000	
-	Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	150.000	
6	Chi sự nghiệp văn hóa thể thao, thông tin, du lịch, tuyên truyền	396.000	
-	Chi sự nghiệp văn hóa thể thao, thông tin, du lịch, tuyên truyền	315.000	
-	Chi kinh phí phục vụ hoạt động phát thanh	81.000	
7	Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường	900.000	
8	Chi sự nghiệp kinh tế	7.708.000	

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
-	Cấp bù thủy lợi phí	664.000	
-	Chính sách đất trồng lúa	1.727.000	
-	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã (bao gồm kinh phí tiền lương và hoạt động của biên chế còn thiếu: 116 triệu đồng)	497.000	
-	Kinh phí bảo trì đường bộ	680.000	
-	Kinh phí nâng cấp, sửa chữa công trình giao thông	3.000.000	
-	Chi sự nghiệp giao thông, xây dựng, thương mại (Bao gồm tiền điện chiếu sáng công cộng: 150 triệu đồng)	450.000	
-	Chi sự nghiệp nông nghiệp, nông thôn mới, chăn nuôi; xây dựng phát triển các mô hình	500.000	
-	Chi công tác thống kê điều tra	50.000	
-	Chi công tác thẩm định giá đất	40.000	
-	Chi công tác định giá tổ tụng	20.000	
-	Công tác phục vụ công tác thu ngân sách	40.000	
-	Chi công tác giảm nghèo	40.000	
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	21.208.195	
9.1	HĐND và UBND xã	11.137.910	
a	Hội đồng nhân dân	849.352	
-	Phụ cấp đại biểu HĐND	404.352	
-	Kinh phí hoạt động bao gồm, các ban HĐND; phụ cấp kiêm nhiệm kinh phí các kỳ họp của HĐND, phiên họp của Thường trực HĐND	240.000	
-	Kinh phí phục vụ công tác bầu cử Quốc hội và HĐND các cấp	150.000	
-	Chi khác HĐND xã	55.000	
b	Văn phòng HĐND và UBND	10.288.558	
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quỹ lương	5.207.119	
-	Kinh phí hoạt động theo định mức	1.028.974	
-	Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	321.011	
-	Phụ cấp thôn đội trưởng	308.880	
-	Phụ cấp thôn trưởng	1.128.816	
-	Phụ cấp y tế thôn	185.328	
-	Chế độ phụ cấp và bảo hiểm cán bộ không chuyên trách xã	147.841	
-	Chế độ đặc thù đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyên trách công nghệ thông tin theo Quyết định số 60/2014/QĐ-UBND ngày 05/09/2014; Nghị định số 179/2025/NĐ-CP	62.808	
-	Hỗ trợ thường xuyên hàng tháng cho thành viên Tổ bảo vệ ANTT ở cơ sở theo Nghị quyết 129/2024/NQ-HĐND	926.640	
-	Hỗ trợ Tổ chuyển đổi số cộng đồng theo Nghị quyết số 119/2023/NQ-HĐND	158.400	
-	Hợp đồng theo Quyết định số 3604/QĐ-UBND của UBND tỉnh, hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP của Chính phủ	228.741	
-	Chi công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại	50.000	
-	Chi phần mềm Misa	24.000	
-	Chi hoạt động thường xuyên phòng Kinh tế	50.000	
-	Chi hoạt động thường xuyên phòng Văn hóa	50.000	
-	Chi hoạt động thường xuyên văn phòng UBND	50.000	
-	Chi hoạt động thường xuyên Trung tâm phục vụ hành chính công	40.000	
-	Sửa chữa, bảo dưỡng xe ô tô	100.000	

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
-	Chi quản lý nhà nước khác	220.000	
9.2	Văn phòng Đảng ủy	6.194.190	
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quỹ lương	2.686.620	
-	Chi hoạt động theo định mức	525.714	
-	Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	149.666	
-	Phần mềm misa	10.000	
-	Chi hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng Quyết định số 99/QĐ-TW ngày 30/5/2012 của BCHTW Đảng	85.000	
-	Phụ cấp trách nhiệm đối với cấp uỷ viên	176.904	
-	Kinh phí hoạt động cấp uỷ theo Quy định số 44-QĐ/TU	95.000	
-	Phụ cấp cán bộ Ủy ban Kiểm tra cấp xã theo Kết luận số 18/KL-TU ngày 24/9/2015 của Tỉnh ủy	28.080	
-	Chế độ phụ cấp và BH cán bộ không chuyên trách xã	52.566	
-	Phụ cấp bí thư chi bộ	1.128.816	
-	Kinh phí tặng thưởng kèm Huy hiệu Đảng (Bao gồm cả khung, giấy khen)	301.000	
-	Phụ cấp cán bộ Người trực tiếp tham gia công tác Đảng tại thôn	249.912	
-	Hoạt động của Ban công tác 35	249.912	
-	Chi hoạt động thường xuyên Ban xây dựng Đảng	100.000	
-	Chi hoạt động thường xuyên Ủy ban kiểm tra	90.000	
-	Chi hoạt động văn phòng Đảng	85.000	
-	Kinh phí khám sức khỏe cho các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Đảng ủy quản lý	30.000	
-	Chi khác của công tác đảng	150.000	
9.3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội	3.676.095	
-	Lương, phụ cấp và các khoản đóng góp theo quỹ lương	775.605	
-	Chi hoạt động theo định mức	164.026	
-	Quỹ tiền thưởng theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	49.533	
-	Phần mềm misa	10.000	
-	Chế độ phụ cấp và bảo hiểm cán bộ không chuyên trách xã	396.827	
-	Phụ cấp trưởng tiểu ban công tác mặt trận	564.408	
-	Phụ cấp những người trực tiếp làm công tác đoàn thể	1.193.400	
-	KP hoạt động của Ban thanh tra nhân dân	10.000	
-	Kinh phí cụm dân cư theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC	110.000	
-	KP thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh" theo Thông tư số 121/2017/TT-BTC	33.600	
-	Hoạt động của Đoàn thanh niên (Bao gồm công tác Đội)	50.000	
-	Hoạt động của Hội phụ nữ	50.000	
-	Hoạt động của Hội Nông dân	50.000	
-	Hoạt động của Hội Cựu chiến binh	50.000	
-	Hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	75.000	
-	Hoạt động hội cao tuổi	20.000	
-	Phụ cấp hội đặc thù	33.696	
-	Hoạt động các hội đặc thù	40.000	
9.4	Chi công tác thi đua khen thưởng	200.000	
10	Chi Bảo đảm xã hội	21.935.378	
-	Chế độ trợ cấp hàng tháng đối với cán bộ xã đã nghỉ việc theo quy định (bao gồm cả BHYT)	916.378	
-	Tiền điện hộ nghèo, hộ chính sách	158.000	
-	Kinh phí trợ giúp xã hội theo Nghị định số 76/2024/NĐ-CP	7.739.000	
-	Mai táng phí cho các đối tượng cựu chiến binh	1.100.000	
-	Kinh phí chúc thọ mừng thọ	111.000	

TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ghi chú
-	Quà đối tượng còn sống, quà thắp hương Tết nguyên đán và 27/7 (Đối tượng được Tỉnh tặng quà)	161.000	
-	Quà tặng tết cổ truyền hằng năm	20.000	
-	Chính sách thực hiện ưu đãi người có công với cách mạng	11.452.000	
-	Sữa chữa đài tưởng niệm liệt sỹ	48.000	
-	Chi đảm bảo sự nghiệp xã hội	230.000	
11	Kinh phí tiền lương, hoạt động của biên chế còn thiếu và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khác	1.470.000	
12	Chi khác	1.060.827	
III	Dự phòng ngân sách	2.127.000	
IV	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	1.339.745	

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ



BIỂU SỐ 04: DANH MỤC SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2025-2026

(Kèm theo Nghị quyết số: 15/NQ-HĐND ngày 31/ 12/2025 của HĐND xã Thạch Xuân)

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Vốn bố trí năm 2026	Trong đó:		
					Ngân sách xã	Ngân sách tỉnh	Nguồn khác
	TỔNG CỘNG		104.163.236	62.500.000	23.800.000	20.850.000	21.850.000
A	Trả nợ XDCB				500.000	3.500.000	
B	Gia hạn bố trí vốn các công trình chuyển tiếp		22.423.236	8.470.000	5.470.000	3.000.000	
1	Sửa chữa, lát gạch nền nhà âm nhạc và hội trường - trường mầm non Thạch Xuân		600.000	80.000	80.000		
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống điện; lát nền đầy phòng học 2 tầng 8 phòng - trường THCS Thạch Xuân		700.000	80.000	80.000		
3	Dựng hệ thống sân chơi, bãi tập; Nâng cấp, sửa chữa Nhà đa năng trường tiểu học Thạch Xuân		500.000	80.000	80.000		
4	Xây dựng sân cỏ nhân tạo trường THCS Hương Điền - Nam Hương		1.300.000	600.000	600.000		
5	Nâng cấp, sửa chữa các công trình thiết yếu tại trụ sở làm việc Đảng ủy, UBND - HĐND xã Thạch Xuân		1.950.000	900.000	900.000		
6	Xây dựng hệ thống chiếu sáng trục đường chính vào vực trụ sở HĐND - UBND xã		498.468	80.000	80.000		
7	Xây mới cầu dân sinh ông chất Tả (nối thôn Hưng Hòa đến thôn Tân Lộc)		4.200.000	2.000.000	2.000.000		
8	Nâng cấp đường vào nghĩa trang thôn Trung Long - xã Thạch Xuân		884.768	350.000	350.000		
9	Kênh mương thoát nước nội đồng Đông Sơn		700.000	200.000	200.000		

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Vốn bố trí năm 2026	Trong đó:		
					Ngân sách xã	Ngân sách tỉnh	Nguồn khác
10	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương nội đồng Tân Thanh (xứ đồng Cửa Ai)		500.000	200.000	200.000		
11	Hệ thống mương tiêu thoát nước khu dân cư vùng đồng Mưa - Tân Đông		1.200.000	350.000	350.000		
12	Nâng cấp đường giao thông trước nhà văn hóa và rãnh thoát nước khuôn viên nhà văn hóa thôn Nam Lĩnh		890.000	450.000	450.000		
13	Nâng cấp tuyến đường ĐH-106 (Phú Tân Xuân)		8.000.000	3.000.000	0	3.000.000	
14	Xây mới công tiêu nước đồng bầu (đường 17 vào CT Việt Hà)		500.000	100.000	100.000		
C	Khởi công mới		78.350.000	50.640.000	14.440.000	14.350.000	21.850.000
1	Xây mới nhà hiệu bộ, mái che, hàng rào, nhà để xe, sân và các hạng mục phụ trợ, trường THCS Thạch Xuân		8.000.000	5.000.000	-	5.000.000	
2	Xây mới dãy nhà học 2 tầng và các hạng mục phụ trợ trường THCS Hương Điền - Nam Hương		9.000.000	5.000.000	-	5.000.000	
3	Xây dựng nhà học 02 tầng 10 phòng học trường Tiểu học Nam Điền Cơ sở 1		10.000.000	7.000.000	-		7.000.000
4	Cải tạo, sửa chữa hàng rào, mái che, sân và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Nam Điền cơ sở 1		1.600.000	1.600.000	-	800.000	800.000
5	Sửa chữa nâng cấp Nhà làm việc Trung tâm Dịch vụ tổng hợp		900.000	600.000	600.000		
6	Xây dựng nhà 02 tầng 6 phòng học trường Mầm non Nam Điền cơ sở 1		8.000.000	5.000.000	-		5.000.000
7	Cải tạo, sửa chữa các nhà học, khu vệ sinh và các hạng mục phụ trợ Trường Mầm non Nam Điền cơ sở 1		1.500.000	1.500.000	-	750.000	750.000
8	Di dời trạm điện thôn Nam Lĩnh		800.000	500.000	500.000		
9	Nâng cấp đường giao thông, xây dựng cầu tuyến đường trại ông Bình thôn Tân Sơn		850.000	500.000	500.000		

STT	Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng mức đầu tư	Vốn bố trí năm 2026	Trong đó:		
					Ngân sách xã	Ngân sách tỉnh	Nguồn khác
10	Mở rộng nhà ăn, bếp ăn bán trú, hàng rào, vỉa hè và các hạng mục phụ trợ trường Tiểu học Thạch Xuân		1.900.000	800.000	800.000	-	
11	Cải tạo, sửa chữa sân trường, hệ thống thoát nước và các hạng mục phụ trợ Trường Tiểu học Thạch Xuân		2.600.000	2.600.000	-	1.300.000	1.300.000
12	Xây dựng bếp ăn bán trú, mái che và các hạng mục phụ trợ trường Mầm non Thạch Xuân		1.900.000	1.500.000	-	1.500.000	
13	Sửa chữa, nâng cấp chợ Bìa thôn Tân Thanh		700.000	340.000	340.000		
	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc, hàng rào và các công trình phụ trợ trụ sở Đảng ủy, MTTQ xã		1.600.000	700.000	700.000		
14	Nâng cấp tuyến đường DH-106 (Phù Tân Xuân) Giai đoạn 2		9.000.000	7.000.000	-		7.000.000
15	Kinh phí hỗ trợ xi măng làm đường GTNT, GTND, KMBT, Rãnh thoát nước; hỗ trợ kinh phí cacboncor và hoàn thiện các tiêu chí NTM		10.000.000	8.000.000	8.000.000		
16	Đầu tư hạ tầng các khu quy hoạch cấp đất, đầu giá đất ở (Tùng Sơn, Đồng Sơn và một số khu quy hoạch khác)		10.000.000	3.000.000	3.000.000		
D	Chi công tác quy hoạch, công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai		2.200.000	2.200.000	2.200.000		
E	Kinh phí tiết kiệm 5% chi đầu tư phát triển để bổ sung nguồn đầu tư công trình đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng		1.190.000	1.190.000	1.190.000		

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ



Phụ biểu số 01

PHÂN BỐ DỰ TOÁN KINH PHÍ SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2026

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Đơn vị	Tổng quỹ lương	Kinh phí tiền thường theo Nghị định số 73/NĐ-CP	Kinh phí hoạt động thường xuyên	Phụ cấp thể dục	Tiền ăn trưa từ 3 đến 5 tuổi	Hỗ trợ miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP	Hỗ trợ HS khuyết tật theo TTL.T số 42	Giáo viên dạy trẻ khuyết tật	Hợp đồng giáo viên theo QĐ 3604/QĐ-UBND	Hợp đồng giáo viên theo ND 111/2022/NĐ-CP	KP hỗ trợ phần mềm	Hỗ trợ CSVC khác	Kinh phí giao dự toán	Ghi chú
I	KHOÀI MÀM NON	9.407.785	502.716	1.405.273	-	198.000	306.900	-	-	-	-	22.000		11.842.674	
1	Mầm non Nam Điền	4.940.286	262.520	738.000	-	90.800	171.900					11.000		6.214.506	
2	MN Thạc Xuân	4.467.499	240.196	667.273	-	107.200	135.000	-	-			11.000		5.628.168	
II	KHOÀI TIỂU HỌC	13.500.059	689.701	2.016.447	40.360	-		-	98.150		103.000	22.000		16.469.717	
1	TH Nam Điền	7.978.969	402.695	1.191.807	16.650	-			61.330			11.000		9.662.451	
2	TH Thạc Xuân	5.521.090	287.006	824.640	23.710	-			36.820		103.000	11.000		6.807.266	
III	KHOÀI THCS	15.767.476	819.543	2.355.000	62.640	-	457.100	51.000	231.850	159.775	-	22.000	200.000	20.126.384	
1	THCS Hương Điền- Nam Hương	10.797.597	556.630	1.613.000	36.320	-	319.400	34.000	161.990	159.775		11.000	200.000	13.889.712	
2	THCS Thạc Xuân	4.969.879	262.913	742.000	26.320		137.700	17.000	69.860			11.000		6.236.672	
A	TỔNG PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG HỌC	38.675.320	2.011.960	5.776.720	103.000	198.000	764.000	51.000	330.000	159.775	103.000	66.000	200.000	48.438.775	
B	CÁC NỘI DUNG KHÁC	-	-		-	-		-	-					16.638.080	
1	Dự phòng bổ sung biên chế, nâng lương trước hạn, thường xuyên, và hoạt động chung SNGD													960.000	
2	Hỗ trợ trung tâm học tập cộng đồng													28.080	
3	Hỗ trợ tăng cường cơ sở vật chất													15.650.000	
	Tổng cộng A + B	38.675.320	2.011.960	5.776.720	103.000	198.000	764.000	51.000	330.000	159.775	103.000	66.000	200.000	65.076.855	